

Số: 07 /KH-TrTHTHCSSB

Suối Bu, ngày 27 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **Năm học 2021 - 2021**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành thực hiện nhiệm vụ năm học năm học 2021-2022 ứng phó với dịch bệnh Covid-19, tiếp tục thực hiện đổi mới kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo;

Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 9/8/2021 của UBND tỉnh Yên Bái về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND; 584/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Yên Bái về Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, 2 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Yên Bái từ năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-SGDĐT ngày 28/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái ban hành tài liệu “Chương trình dạy học buổi hai cho các trường, lớp tiểu học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày trên địa bàn tỉnh Yên Bái”;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 07/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, ứng phó với dịch Covid-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Văn Chấn;

Căn cứ Công văn số 288/PGD&ĐT-CMTH ngày 28/8/2021 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2021-2022; Căn cứ Công văn số 255/PGD&ĐT-CMTH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học năm học 2021-2022;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2020 - 2021; điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường.

Trường TH&THCS Suối Bu xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2021 - 2022 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2021-2022

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

(Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương tác động đến các hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học; những yếu tố tác động từ đặc điểm địa phương đến việc tổ chức thực hiện chương trình cấp tiểu học)

Suối Bu là xã đặc biệt khó khăn của huyện Văn Chấn, giao thông đi lại khó khăn, cách trung tâm huyện 10 km, phía đông bắc giáp với xã Hồng Ca – huyện Trấn Yên; Phía tây giáp với xã Sơn Thịnh, xã Đồng Khê huyện Văn Chấn; Phía nam và Tây nam giáp với xã Cát Thịnh huyện Văn Chấn; Phía Bắc giáp với xã Suối Giàng huyện Văn Chấn. Tổng diện tích tự nhiên của xã 2666,41ha, xã có 4 thôn bản và 501 hộ/2.233 khẩu, có 6 dân tộc cùng chung sống dân tộc Mông, Kinh, Tày, Thái, Giailai, Giáy trong đó dân tộc Mông chiếm 74,6% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 31,7%, đến nay xã đạt 8 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới;

1.1. Thuận lợi

- Kinh tế: Trong bối cảnh nền kinh tế có chuyển biến tích cực của huyện, của tỉnh nhưng vẫn còn nhiều khó khăn; nhưng với sự đồng lòng quyết tâm khắc phục các giải pháp đưa nền kinh tế nông nghiệp tiếp cận và hội nhập. Sản xuất nông lâm nghiệp được triển khai và thực hiện tốt các dự án; chương trình hỗ trợ sản xuất.

- Văn hóa - xã hội: Cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của các đồng chí lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể đã từng bước dần nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì tỷ lệ học sinh đến lớp, tăng tỷ lệ học sinh khá, giỏi; huy động 98% trẻ em 5 tuổi đến trường; 100% học sinh đi học đúng độ tuổi, đẩy mạnh hoạt động của hội khuyến học để hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời các em học sinh nghèo đặc biệt khó khăn vượt khó.

1.2. Khó khăn:

- Kinh tế: Mặc dù điều kiện kinh tế còn khó khăn, 1 số bộ phận người dân trình độ chưa cao; song với sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về phát triển kinh tế, gắn liền với văn hóa xã hội, phát huy và bảo tồn văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số (đồng bào dân tộc Mông).

- Văn hóa – xã hội: Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục THCS. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm đạt trên 99%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Chương trình xây dựng nông thôn mới được

tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện tốt, phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân trong quá trình tổ chức thực hiện, phấn đấu đến năm 2024 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình đề ra.

1.3. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường

Là xã vùng cao, kinh tế chậm phát triển, đời sống đại đa số nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các thôn bản vùng sâu, vùng xa; Phần lớn học sinh là con em gia đình nghèo, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, việc huy động học sinh ra lớp còn gặp nhiều khó khăn.

Việc quan tâm của một số các bậc phụ huynh đến việc học tập của con em còn ít, do vậy ảnh hưởng đến nhận thức, tiếp thu bài học của học sinh, một số giáo viên cập nhật đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy còn chậm cho nên trong quá trình nâng cao chất lượng giảng dạy còn gặp không ít những khó khăn.

Tuy cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được bổ sung hàng năm song chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu dạy và học, đặc biệt là thiếu các phòng chức năng, phòng học.

Số học sinh nơi khác đến học nhờ và ăn ở tại trường đông (30 học sinh ở TDP Sơn Lành- TT Sơn Thịnh), ảnh hưởng rất nhiều đến việc quản lý, chỉ đạo, giảng dạy, chăm sóc, nuôi dưỡng, nề nếp của các em trong toàn trường.

Là trường có học sinh bán trú, số lượng học sinh bán trú đông, số học sinh nơi khác đến học nhờ và ăn ở tại trường đông (30 học sinh ở TDP Sơn Lành- TT Sơn Thịnh), đi đôi với công tác chuyên môn là việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh bán trú. Với lượng công việc quá lớn, đội ngũ CB, GV thiếu nên phần nào cũng có ảnh hưởng rất nhiều đến việc quản lý, việc nâng cao chất lượng quản lý cũng như công tác dạy và học của nhà trường.

*** Công tác số lượng, tỷ lệ chuyên cần:** Đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao về số lớp cũng như số học sinh cụ thể:

- Kế hoạch giao: 10 lớp; thực hiện 10 lớp đảm bảo 100%. 278 học sinh; thực hiện 302 học sinh đạt 109% (*do 02 HS chuyển đi Thanh Hóa; 03 HS lớp 1 đi học nhờ TH Đồng Khê; 01 HS lớp 1 đi học nhờ TH Sơn Thịnh; 30 học sinh trường TH Sơn Thịnh đến học nhờ*).

- Lớp 2 buổi/ngày 10/10 đạt 100% (*07 lớp học 9 buổi; 03 lớp học 7 buổi*).

- Duy trì tỉ lệ chuyên cần 98 % trở lên.

*** Điều kiện về cơ sở vật chất:** (Dùng chung với cấp THCS)

+ Tổng số phòng học 11 phòng: Kiên cố 06 phòng; thư viện: 01 phòng (*phòng thiết bị tạm*); văn phòng: 01 phòng ; phòng BGH: 02 phòng (BKC) ; Phòng hành chính (y tế): 01 phòng(BKC).

+ Phòng ở cho HS bán trú: 07 phòng; có đủ nhà vệ sinh cho HS và GV; có bếp ăn đảm bảo tiêu chuẩn cho HS bán trú.

* **Điều kiện để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:** Đến thời điểm hiện tại tại nhà trường chưa đủ số lượng phòng học/lớp, còn phải học nhờ cấp THCS; trong năm học 2021-2022 cơ bản đảm bảo đủ điều kiện về CSVC tổ chức cho 07 lớp học 9 buổi; 03 lớp học 7 buổi.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2021 - 2022

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

a) Thông tin về lớp học:

Loại lớp	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tổng số	10	2	2	2	2	2
Chia ra: - Số lớp học 5 buổi/tuần						
- Số lớp học 7-8 buổi/tuần	3			1	1	1
- Số lớp học 9-10 buổi/tuần	7	2	2	1	1	1
Số lớp theo loại đặc biệt	9	2	2	2	1	2
Trong TS: - Lớp ghép						
- Lớp có học sinh bán trú	9	2	2	2	1	2
- Lớp có HSKT học hòa nhập						

b) Thông tin về học sinh

Loại học sinh	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tổng số học sinh	302	69	63	59	51	60
Trong TS: - Nữ	150	30	28	30	30	32
- Dân tộc	302	69	63	59	51	60
- Nữ dân tộc	150	30	28	30	30	32
- Học sinh khuyết tật						
Số học sinh tuyển mới	67	67				
Số HS lưu ban năm học trước	5	4	1			
Trong TS: - Nữ	1	1				
- Dân tộc	5	4	1			
- Nữ dân tộc	1	1				
- Học sinh khuyết tật						
Số HS có điều kiện, hoàn cảnh KK						
- Học sinh con hộ nghèo	145	28	26	20	35	36
- Học lực yếu kém	5	4	1			

Loại học sinh	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
- Xa trường, đi lại khó khăn	197	51	35	43	29	39
- Bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh						
- Con mồ côi						
- Nguyên nhân khác						
- Số học sinh là Đội viên					51	60
TS HS Chia ra:						
- Số học sinh học 5 buổi/tuần						
- Số học sinh học 7 buổi/tuần	84			29	25	30
- Số học sinh học 8 buổi/tuần						
- Số học sinh học 9 buổi/tuần	218	69	63	30	26	30
- Số học sinh học 10 buổi/tuần						
- Số học sinh học tin học						
- Số học sinh học tăng cường tiếng Việt	119	69	63			
- Số học sinh học Tiếng Anh						
- Số học sinh DT ở bán trú	197	51	35	43	29	39

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a) Thông tin về nhân sự

Nhân sự	Tổng số	Trong đó nữ	Chia ra					
			Biên chế		Hợp đồng		Dân tộc	
			TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên	15	9	15	9			6	4
* Số Đảng viên	8	4	8	4			4	2
Chia ra:								
- Đảng viên là giáo viên	7	3	7	3			4	2
- Đảng viên là cán bộ quản lý	1	1	1	1				
- Đảng viên là nhân viên								
* Giáo viên	14	8	14	8			6	4
Số giáo viên chia theo chuẩn đào tạo	14	8	14	8			6	4
Chia ra: - Đạt chuẩn	12	8	12	8			5	4

b) Thông tin CB ; GV; NV

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Số năm giảng dạy	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Đào Thu Anh	1977	x	Kinh	ĐH	16	PHT	Phó Hiệu trưởng
2	Phùng Thị Thảo	1983	x	Kinh	ĐH	11	TPT	TPTĐ
3	Hà Thị Thìn	1976	x	Tày	ĐH	23	GV	Dạy lớp 1A
4	Nguyễn T. Tâm Hoa	1989	x	Kinh	ĐH	9	TPCM	Dạy lớp 1B
5	Lưu Thi Lan	1978	x	Kinh	ĐH	19	TTCM	Dạy lớp 2A
6	Trần T.Dung Thịnh	1977	x	Kinh	ĐH	22	GV	Dạy lớp 2B
7	Hà Xuân Trường	1971		Tày	ĐH	23	GV	Dạy lớp 3A
8	Nguyễn Thị Nhung	1974	x	Kinh	ĐH	26	GV	Dạy lớp 3B
9	Hà Đình Trục	1968		Tày	CĐ	25	GV	Dạy lớp 4A
10	Hoàng Lan Hương	1971	x	Tày	ĐH	16	GV	Dạy lớp 4B
11	Hoàng Xuân Phong	1986		Kinh	ĐH	9	TTCM	Dạy lớp 5A
12	Hà Thị Hải	1969	x	Tày	ĐH	25	TPCM	Dạy lớp 5B
13	Hoàng Thị Sơn	1990	x	Tày	ĐH	9	GV	Dạy buổi 2
14	Nguyễn Văn Dũng	1985		Kinh	CĐ	9	GV	Dạy Âm nhạc
15	Hoàng Quang Tuấn	1984		Kinh	ĐH	11	GV	Thẻ dực

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

a) Thông tin về cơ sở vật chất (Dùng chung với cấp THCS)

Khối phòng học	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán kiên cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng học theo chức năng	7	4		3		
Chia ra: - Phòng học văn hoá	7	4		3		

- Phòng học tin học						
- Phòng học ngoại ngữ						
- Phòng khác						
Tỷ lệ phòng/lớp	0,7	0,4		0,3		
Số chỗ ngồi	Số lượng	Trong đó				
		Làm mới		Cải tạo		
Số chỗ ngồi trong phòng học văn hoá	218					218
b) Khối phòng học tập						
Khối phòng phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán kiên cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	1					1
Chia ra: - Phòng giáo dục thể chất (đa năng)						
- Phòng giáo dục nghệ thuật						
- Thư viện	1					1
- Phòng thiết bị giáo dục						
- Phòng truyền thống và hoạt động Đội						
- Phòng hỗ trợ HS khuyết tật						
- Phòng âm nhạc						
- Phòng khác						
Khối phòng khác	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán kiên cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	3	1		2		
Chia ra: - Phòng y tế học đường						
- Khu vệ sinh dành cho GV	1			1		
- Khu vệ sinh dành cho HS	2			2		
Khối phòng tổ chức ăn nghỉ	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán kiên cố		Tạm

		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	9			9		
Chia ra: - Nhà bếp	1			1		
- Phòng ăn	1			1		
- Phòng nghỉ	7			7		
- Phòng khác						
Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán kiên cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng chia theo chức năng	4	1		2		1
Chia ra: - Phòng hiệu trưởng	1			1		
- Phòng phó hiệu trưởng	1			1		
- Phòng giáo viên						
- Phòng họp giáo viên						
- Văn phòng trường	1	1				
- Phòng thường trực						
- Nhà công vụ giáo viên						
- Phòng kho lưu trữ	1					1
- Phòng khác						
Khối công trình công cộng	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán kiên cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	2					2
Chia ra: - Nhà xe giáo viên	1					1
- Nhà xe học sinh	1					1
- Phòng khác						
Cơ sở vật chất khác					Số lượng	
Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT (ĐVT: bộ)					Bộ đầy đủ	Bộ chưa đầy đủ
Tổng số					2	8
- Khối lớp 1					2	

- Khối lớp 2				2
- Khối lớp 3				2
- Khối lớp 4				2
- Khối lớp 5				2
<i>Thiết bị phục vụ giảng dạy</i>				
<i>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng</i>	7			2
Chia ra: - Máy vi tính phục vụ học tập				
- Máy vi tính phục vụ quản lý	1			1
Trong đó: Máy vi tính đang được nối Internet	1			1
<i>Số máy photocopy</i>				
<i>Số scanner</i>				
<i>Số máy in</i>				1
<i>Số thiết bị nghe nhìn</i>				2
Trong đó: - Ti vi				
	1			
- Nhạc cụ				
- Cát xét				
- Đầu Video				
- Đầu đĩa				
- Máy chiếu	1			
Loại nhà vệ sinh			Số lượng (nhà)	
			Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
	Chung	Nam/Nữ		
Đạt chuẩn vệ sinh				
Chưa đạt chuẩn vệ sinh			1	1
Không có				

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2021-2022

(Mức độ học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực; số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường...)

1. Mục tiêu chung

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học theo hướng bền vững, đặc biệt chú trọng đến chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày khối lớp 1, 2 và HS bán trú tại trường, tăng thời lượng cho học sinh được học tập, vui chơi rèn luyện kỹ năng sống tại trường; tổ chức dạy học theo

chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống cho học sinh; tiếp tục triển khai thực hiện việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số; tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh; tiếp tục chỉ đạo việc đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán; tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học trong nhà trường.

Duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tạo điều kiện để mỗi học sinh có được cơ hội bình đẳng trong học tập, sinh hoạt, phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân. Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản, đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt. Phấn đấu xây dựng hoàn thành một số tiêu chí “Xây dựng trường học hạnh phúc”.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chất lượng

(Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học)

- 218/302 học sinh trường học 09 buổi/tuần = 72,2%; 84/302 học sinh trường học 07 buổi/tuần = 27,8%;

- 95% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kĩ năng sống, kĩ năng giao tiếp tốt.

- 93,6% học sinh lớp 1, lớp 2 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 235/242 học sinh lớp 1, 2, 3, 4 = 97,1% hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

(Có phụ biểu kèm theo)

2.2. Các chỉ tiêu khác

- Duy trì số lượng: 302/ 302 đạt 100%

- Đảm bảo tỉ lệ chuyên cần: 98%
- Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 235/242 đạt 97,1%
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 60/60 đạt 100%
- Tỷ lệ 24/191 đạt 13% học sinh có thành tích nổi bật các nội dung học tập và rèn luyện (Khối lớp 3;4;5); tỷ lệ học sinh xuất sắc (khối 1;2): 19/132 đạt 14%.
- Tỷ lệ 50/191=26% học sinh có thành tích vượt trội về môn học (khối lớp 3;4;5); Học sinh tiêu biểu (Khối 1;2): 20/132 đạt 23%.
- HS tham gia sân chơi “Trạng nguyên Tiếng Việt” cấp trường: 20 HS; cấp huyện: 5 HS; cấp tỉnh: 01 HS.
- Chỉ tiêu đối với xếp loại viên chức: số lượng xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 33,3%; số lượng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ 60%; số lượng xếp loại hoàn thành nhiệm vụ 6,7%;
- Chỉ tiêu về hội thi GVĐG cấp huyện: 04 giáo viên.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp 1; 2 học 2 buổi/ngày thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT gồm 04 lớp với 132 học sinh; thực hiện phương án học 9 buổi/tuần (33 tiết). Khối 3;4;5 học 2 buổi/ngày thực hiện theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT gồm 06 lớp với 170 HS; (03 lớp thực hiện phương án 9 buổi/tuần = 33 tiết; 03 lớp thực hiện theo phương án 7 buổi/tuần = 29 tiết)

(Phụ lục 1.1 kèm theo)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

(Phụ lục 1.2 kèm theo)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

Tổng số HS bán trú khối Tiểu học học tại trường là 197 học sinh(Khối 1: 51 HS; Khối 2: 35HS; khối 3: 43 HS; khối 4: 29 HS; Khối 5: 39HS); Tất cả học sinh bán trú học 2 buổi/ngày; ngoài các HĐ học tập chính thức, HS còn tham gia các HĐ sau giờ học chính khóa.

(Phụ lục 1.3 kèm theo) chưa có covid

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (nếu có điểm lẻ): Nhà trường không có điểm lẻ.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2021-2022 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 9/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái về Kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường: Thứ tư, ngày 1/9/2021 (Khối 1 thứ hai ngày 23/8/2021)
- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2021
- Học kỳ I: Từ ngày 6/9/2021 đến trước ngày 12/1/2022 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Học kỳ II: Từ ngày 17/1/2022 đến trước ngày 25/5/2022 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Ngày bế giảng năm học: trước ngày 31/5/2022
- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (*quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...*).
- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (*các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng như dịch bệnh Covid19,....*). Nhà trường điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế và có phương án dạy học kèm theo.

Tại trường TH&THCS Suối Bu thời gian thực hiện chương trình năm học 2021- 2022 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*Phụ lục 4.1*)

Phụ lục 4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần năm học 2021-2022 đối với khối lớp 1.

Phụ lục 4.1 kèm theo. (Phương án không học môn tự chọn theo CT TT32)

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	TN & XH	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD thể chất	70	

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
8	HĐ tập thể (HĐTN)	105	
9	Môn học tự chọn	0	
10	HĐ củng cố tăng cường	280	Gồm 2 môn: Toán & Tiếng việt
11	HĐ theo nhu cầu người học		
12	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
13	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
14	Tổng số tiết học kỳ I	576	Gồm 18 tuần
15	Tổng số tiết học kỳ II	579	Gồm 17 tuần

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1

(Có Kế hoạch giáo dục môn học khối lớp 1 kèm theo)

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 4.2)

Phụ lục 4.2. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần năm học 2021-2022 đối với khối lớp 2

Phụ lục 4.2 kèm theo. (Phương án không học môn tự chọn theo CT TT32)

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	TN & XH	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD thể chất	70	
8	HĐ tập thể (HĐTN)	105	
9	Môn học tự chọn	0	

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
10	HD củng cố tăng cường	245	Gồm 2 môn: Toán & Tiếng Việt
11	HD theo nhu cầu người học		
12	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
13	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
14	Tổng số tiết học kỳ I	594	Gồm 18 tuần
15	Tổng số tiết học kỳ II	526	Gồm 17 tuần

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2

(Có Kế hoạch giáo dục môn học khối lớp 2 kèm theo)

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 4.3)

Phụ lục 4.3. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần năm học 2021-2022 đối với khối lớp 3.

Phụ lục 4.3 kèm theo (Phương án không học môn tự chọn theo CT QĐ16)

*** Đối với lớp dạy 9 buổi/tuần**

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	TN & XH (Khoa học)	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD Thể chất (Thể dục)	70	
8	Thủ công (Kĩ thuật)	35	
9	Lịch sử ; Địa lí	0	
10	Hoạt động tập thể (HDTN)	70	

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
11	Môn học tự chọn	0	
12	HD củng cố tăng cường	280	Môn Toán, tiếng việt
13	HD theo nhu cầu người học		
14	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
15	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
	Tổng số tiết học kỳ I	576	Gồm 18 tuần
	Tổng số tiết học kỳ II	544	Gồm 17 tuần

*** Đối với lớp dạy 7 buổi/tuần**

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	TN & XH (Khoa học)	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD Thể chất (Thể dục)	70	
8	Thủ công (Kĩ thuật)	35	
9	Lịch sử ; Địa lí	0	
10	Hoạt động tập thể (HDTN)	70	
11	Môn học tự chọn	0	
12	HD củng cố tăng cường	175	Môn Toán, tiếng việt
13	HD theo nhu cầu người học		
14	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
15	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
	Tổng số tiết học kỳ I	522	Gồm 18 tuần
	Tổng số tiết học kỳ II	493	Gồm 17 tuần

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

(Có Kế hoạch giáo dục môn học khối lớp 3 kèm theo)

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 4.4)

Phụ lục 4.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần, năm học 2021-2022 đối với khối lớp 4

Phụ lục 4.3 kèm theo (Phương án không học môn tự chọn theo CT QĐ16)

*** Đối với lớp dạy 9 buổi/tuần**

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	TN & XH (Khoa học)	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD Thể chất (Thể dục)	70	
8	Thủ công (Kĩ thuật)	35	
9	Lịch sử ; Địa lí	70	
10	Hoạt động tập thể (HĐTN)	70	
11	Môn học tự chọn	0	
12	HD củng cố tăng cường	210	Môn Toán, tiếng việt
13	HD theo nhu cầu người học		
14	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
15	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
			Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
	Tổng số tiết học kỳ I	594	Gồm 18 tuần
	Tổng số tiết học kỳ II	526	Gồm 17 tuần

*** Đối với lớp dạy 7 buổi/tuần**

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	TN & XH (Khoa học)	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD Thể chất (Thể dục)	70	
8	Thủ công (Kĩ thuật)	35	
9	Lịch sử ; Địa lí	70	
10	Hoạt động tập thể (HĐTN)	70	
11	Môn học tự chọn	0	
12	HĐ củng cố tăng cường	105	Môn Toán, tiếng việt
13	HĐ theo nhu cầu người học		
14	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
15	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
	Tổng số tiết học kỳ I	539	Gồm 18 tuần
	Tổng số tiết học kỳ II	476	Gồm 17 tuần

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4
(Có Kế hoạch giáo dục môn học khối lớp 4 kèm theo)

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 4.5)

Phụ lục 4.5. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần, năm học 2021-2022 đối với khối lớp 5

Phụ lục 4.5 kèm theo (Phương án không học môn tự chọn theo CT QĐ16)

*** Đối với lớp dạy 9 buổi/tuần**

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	TN & XH (Khoa học)	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD Thể chất (Thể dục)	70	
8	Thủ công (Kĩ thuật)	35	
9	Lịch sử ; Địa lí	70	
10	Hoạt động tập thể (HDTN)	70	
11	Môn học tự chọn	0	
12	HD củng cố tăng cường	210	Môn Toán, tiếng Việt
13	HD theo nhu cầu người học		
14	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
15	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
	Tổng số tiết học kỳ I	594	Gồm 18 tuần
	Tổng số tiết học kỳ II	526	Gồm 17 tuần

*** Đối với lớp dạy 7 buổi/tuần**

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	TN & XH (Khoa học)	70	
4	Đạo đức	35	
5	Mĩ thuật	35	
6	Âm nhạc	35	
7	GD Thể chất (Thể dục)	70	
8	Thủ công (Kĩ thuật)	35	
9	Lịch sử ; Địa lí	70	
10	Hoạt động tập thể (HDTN)	70	
11	Môn học tự chọn	0	
12	HD củng cố tăng cường	105	Môn Toán, tiếng Việt
13	HD theo nhu cầu người học		
14	Sinh hoạt chuyên môn	27	18 buổi SH tổ CM & 9 buổi SHCM chung
15	Các ngày nghỉ trong năm	9	1 ngày 2/9; 5 ngày nghỉ tết Nguyên Đán; 1 ngày 10/3 âm lịch; 2 ngày 30/4 và 1/5
	Tổng số tiết học kỳ I	539	Gồm 18 tuần
	Tổng số tiết học kỳ II	476	Gồm 17 tuần

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5

(Có Kế hoạch giáo dục môn học khối lớp 5 kèm theo)

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Phòng học, phòng phục vụ học tập: (Dùng chung với cấp THCS)

- Tận dụng tối đa số phòng hiện có để bố trí thêm 3 lớp học 7 buổi/ngày (bố trí các lớp học đan xen)

- Tổ chức tu sửa bổ sung bàn ghế, trang thiết bị dạy học, có đầy đủ điện thắp sáng, quạt (treo tường, quạt trần) đảm bảo thoáng mát trong các phòng học, phòng phục vụ học tập ngay từ đầu năm học.

- Tổ chức 100% số lớp học 2 buổi/ngày (trong đó có: 07 lớp học 9 buổi; 03

lớp học 7 buổi).

b) Sân chơi, bãi tập

Tu sửa, vệ sinh sân chơi bãi tập, mua sắm, làm mới bổ sung thêm diện tích đảm bảo an toàn cho HS trong năm học.

c) Sách vở, đồ dùng, trang thiết bị dạy học

- Thực hiện công tác kiểm kê sách giáo khoa, sách giáo viên, trang thiết bị dạy học ngay từ đầu năm học; mua bổ sung sách giáo khoa; sách giáo viên lớp 1;2 phục vụ cho năm học 2021-2022.

- Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, bổ sung thêm đồ dùng dạy học vào thư viện dùng chung (mỗi GV làm ít nhất 2 đồ dùng/năm học).

- Thực hiện mua sắm thêm sách báo, tạp trí, trang thiết bị dạy và học,... (số lượng cụ thể theo số lượng GV và HS ở khối 1 và khối 2)

- Tăng cường sử dụng sách điện tử đối với lớp 1, lớp 2.

2. Thực hiện công tác đội ngũ

a) Số lượng

- Tổng số cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên: 15 người, trong đó: Cán bộ quản lí 01 người; giáo viên 14 người; nhân viên 00 người; So với định mức của tỉnh thừa 00, Giáo viên hoặc thiếu 03 Giáo viên (nhóm 1, môn tiếng Anh, Tin học).

- Tổ chức 100% số lớp khối 1 và khối 2 học theo CTPT 2018 học 9 buổi/tuần; còn khối 3,4,5 mỗi khối có 1 lớp học 9 buổi/ tuần và mỗi khối có 1 lớp học 7 buổi/ tuần do không có đủ phòng học và thiếu 3 giáo viên, chưa có GV dạy môn Tin học, Tiếng Anh và 01 GV nhóm 1;

b) Chất lượng

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường là 12/14 người, tỉ lệ 85,7%; Giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện 3/14 người, tỉ lệ 21,4%;

- Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV: Xuất sắc: 4/14 đạt 29%; tốt: 9/14 đạt 64%; hoàn thành 1/14 đạt 7%.

- Tổ chức các hoạt động để nâng cao chất lượng đội ngũ: Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ- rút kinh nghiệm, nghiên cứu học tập trên tài khoản hệ thống LMS, tập huấn nhà xuất bản,...

c) Trình độ đào tạo

- Nhà trường hiện có 13/15 cán bộ, giáo viên có bằng Đại học theo đúng chuyên ngành đào tạo, tỉ lệ đạt chuẩn 86,7%; còn lại 13,3% GV chưa có trình độ chuyên ngành đào tạo đạt chuẩn.

- Việc sắp xếp và cử đi học nâng để nâng chuẩn: Nhà trường đã tạo điều kiện cho 01 đồng chí đang học để nâng chuẩn theo lộ trình; 01 đồng chí đã đăng kí với Phòng GD để đi học nâng chuẩn.

d) Chuẩn nghề nghiệp giáo viên

- Số lượng CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp: 12/15= 80%
- Cán bộ quản lý xếp loại tốt 1/1 người, tỉ lệ 100%;
- Giáo viên xếp loại tốt 10/14 người, tỉ lệ 71,4%; xếp loại Khá 4/14 người, tỉ lệ 28,6%. Nhà trường không có giáo viên xếp loại chưa đạt.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

a) Quy định về số lần sinh hoạt chuyên môn.

- Họp Hội đồng trường 1 lần/tháng; SH chuyên môn chung 1 lần/tháng vào tuần 1 hàng tháng.
- Họp tổ chuyên môn định kì 2 lần/ tháng (*Buổi 1 vào tuần 2 của tháng, buổi 2 vào tuần 4 của tháng*).

***Buổi 1:** (SH theo hướng đổi mới)

- Kiểm điểm việc thực hiện công tác tháng. Triển khai công tác trong tháng tới (*Bám sát vào kế hoạch của nhà trường*).
- Nghiên cứu thảo luận để xây dựng chuyên đề, rút kinh nghiệm việc thực hiện chuyên đề.
- Rút kinh nghiệm các giờ dạy của giáo viên.
- Thống nhất chương trình và thời khoá biểu.
- Bồi dưỡng những vấn đề khó khăn khi giảng dạy chương trình SGK, việc giải BT, thực hành bộ môn, chương trình buổi 2; chương trình giáo dục hòa nhập; các HĐNGLL và phương pháp giảng dạy.
- Bồi dưỡng kiến thức mới, nâng cao tiềm lực giáo viên theo chương trình nội dung của BGD quy định.
- Nghiên cứu thảo luận việc sử dụng đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học
- Giải đáp thắc mắc của GV về chuyên môn.

*** Buổi 2:**

- Sinh hoạt tổ chủ nhiệm.
- Trao đổi về việc bồi dưỡng, phụ đạo HS CHTCT. (*Đặc biệt nâng cao chất lượng giảng dạy buổi 2, phân hóa học sinh, giáo dục HSKT học hòa nhập*)
- Kiểm tra chéo hồ sơ, giáo án trong tổ.
- Đánh giá xếp loại GV trong tháng.
- Thực hiện các chương trình nội dung bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề tổ viên.
- Đề xuất khen thưởng với giáo viên từng học kì và năm học.

b) Quy định về hồ sơ chuyên môn đối với giáo viên

- Sổ KH chủ nhiệm của giáo viên
- Kế hoạch dạy học (giáo án)
- Kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục (*Đối với những môn được phân công giảng dạy*)
- Bảng chất lượng giáo dục (*Giữa kì, Cuối kì, Cuối năm*), cam kết chất lượng giáo dục...
- Sổ báo giảng (*hoặc báo giảng điện tử trên Vnedu*)
- Sổ dự giờ, ghi chép nội dung các cuộc họp các buổi sinh hoạt chuyên môn (*Đối với đơn vị trường quy định sổ dự giờ riêng biệt*)
- Các loại kế hoạch khác theo nhiệm vụ được phân công, đảm nhiệm (*Kế hoạch tổ chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, kế hoạch GDHSKT,*)

c) Quy định về nền nếp chuyên môn

- Giáo viên phải có đủ các loại hồ sơ theo quy định, có chất lượng, đảm bảo yêu cầu chung của nhà trường quy định. Cụ thể:

+ Kế hoạch dạy học (giáo án) cần được trình bày rõ ràng khoa học, bài soạn thể hiện đúng, đủ nội dung kiến thức, kĩ năng cơ bản, thể hiện được phương pháp dạy học, đúng phân phối chương trình, thời khoá biểu. GV phải thiết kế bài theo hướng phân hóa đối tượng; phải có những yêu cầu khác nhau cho từng đối tượng để tổ chức dạy cho phù hợp. GV cần giúp HS hoàn thành bài ngay tại lớp, không giao bài tập về nhà.

+ Kế hoạch chủ nhiệm: Hoàn thành các cột mục trong sổ, bám sát mục tiêu, kế hoạch chung của nhà trường. Có bổ sung kế hoạch hoạt động cho các tháng và cập nhật đầy đủ các nội dung trong sổ kế hoạch chủ nhiệm.

+ Sổ dự giờ, ghi chép: Dự ít nhất 18 tiết/năm. Đánh giá giờ dạy đúng qui định của bộ GD&ĐT hướng dẫn...

(Khi hết thời gian Hội giảng mỗi GV đi dự giờ giúp đỡ hoặc học hỏi đồng nghiệp ít nhất 02 tiết/tháng)

+ Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên: Có kế hoạch bồi dưỡng chung cho nhà trường, cho tổ chuyên môn và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân cụ thể từng tháng....

- Thực hiện nghiêm túc về thời gian làm việc của nhà trường.
- Phải nghiên cứu kỹ tài liệu, sách giáo khoa trước khi lên lớp.
- Thực hiện đúng, đủ kế hoạch dạy học các môn học, thời khoá biểu không cắt xén, không dạy dồn, dạy ghép.
- Kiểm tra, đánh giá, xếp loại HS đúng văn bản, thông tư hướng dẫn...
- Nắm vững hoàn cảnh, chất lượng từng em, có kế hoạch bồi dưỡng học sinh của lớp. Hướng dẫn học sinh ghi bài, làm bài ở lớp, ở nhà đầy đủ.
- Thực hiện tốt công tác chủ nhiệm và vai trò phụ trách đội của mình: Tổ

chức cho học sinh tích cực hoạt động ngoại khoá như sinh hoạt đội, sinh hoạt sao, lao động,...

- Có tinh thần tự học, tự rèn nâng cao chuyên môn: thăm lớp, dự giờ, nghiên cứu tài liệu, tham gia sinh hoạt chuyên môn, ngoại khoá, chuyên đề, hội giảng đầy đủ,...

d) Kiểm tra, đánh giá học sinh:

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học. Nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: Đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập.

** Đối với học sinh lớp 1, 2:* Thực hiện theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT. Cần chú ý:

- Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

** Đối với học sinh lớp 3, 4, 5:* Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/6/2016 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

4. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên

- Giao chỉ tiêu thi đua cho các tổ, các cá nhân. ..

- Tổ chức các chuyên đề (tăng cường tiếng Việt cho học sinh lớp 1,2; chuyên đề khai thác sử dụng sách mềm trong dạy học; chuyên đề dạy môn tiếng Việt lớp 2,...)

- Tổ chức có hiệu quả Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.

- Vận động, khuyến khích giáo viên đọc các tạp chí, báo ngành, xem các bài dạy mẫu trên các cổng thông tin điện tử. Nghiên cứu các bài soạn trên mạng Internets,... Giảng dạy giáo án điện tử,...

- Thực hiện tốt phong trào “ tương thân, tương ái” mỗi CB, GV, NV trong nhà trường đăng kí và nhận đỡ đầu, hỗ trợ, giúp đỡ ít nhất một học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

- Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn thông qua dự giờ, thăm lớp để kiểm tra, giám sát việc đánh giá học sinh của giáo viên, kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho giáo viên, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học, nâng cao năng lực đánh giá học sinh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm vào giảng dạy. Sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, thuận lợi cho giáo viên trong việc sử dụng và theo dõi.

5. Bồi dưỡng, phụ đạo học sinh.

- Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ (Giao lưu Tiếng Việt, Trạng Nguyên, Violympic Toán...vv.) bằng các hình thức: Thành lập đội tuyển, lên kế hoạch và tổ chức ôn tập bồi dưỡng; Giao thêm các nội dung học tập, các bài tập vận dụng nâng cao cho các em làm thêm; Hướng dẫn học sinh ôn luyện qua mạng Internet,...

- Phụ đạo học sinh chưa hoàn thành như: Phối hợp với phụ huynh đề ra các biện pháp giáo dục các em (ở trường, ở nhà...); Thường xuyên kiểm tra (kiểm tra miệng, kiểm tra vở...) để nắm bắt sự tiến bộ của học sinh; Tăng thời lượng kèm cặp các em (đầu giờ, cuối giờ, thêm buổi...); Giao nhiệm vụ kèm cặp, giúp đỡ bạn cho những học sinh hoàn thành tốt (xuất sắc),...

6. Dự kiến tổ chức chuyên đề.

- Chuyên đề cấp tổ: mỗi tháng 2 chuyên đề/ tổ chuyên môn. Ưu tiên, tổ chức các chuyên đề cho lớp 1, 2 (Chương trình GDPT 2018)

- Chuyên đề cấp trường: 02 chuyên đề, cụ thể:

TT	Tháng	Tên chuyên đề	Nội dung	Phạm vi
1	10/2021	Môn TV lớp 1.	- Dạy thể nghiệm, dự giờ và rút kinh nghiệm giờ dạy, thống nhất phương pháp, tiến trình dạy học môn học CTGDPT 2018.	Cấp trường

3	11/2022	Môn Toán lớp 2	- Dạy thể nghiệm, dự giờ và rút kinh nghiệm giờ dạy, thống nhất phương pháp dạy, hình thức lồng ghép.	Cấp trường
---	---------	----------------	---	------------

7. Phương án dạy học 2 buổi/ngày, phương án dạy học trong tình hình COVID diễn biến phức tạp

7.1. Phương án dạy học 2 buổi/ngày và phương án dạy học phòng dịch COVID diễn biến phức tạp

Dự kiến phương án dạy học 2 môn Toán và tiếng Việt khi diễn biến dịch bệnh Covid-19 phức tạp. Nhà trường đã chủ động lên phương án sắp xếp TKB; xây dựng KHGD; KH dạy học ngay từ đầu năm học. Ưu tiên dạy lồng ghép trong các tuần 2 môn Toán và TV, tăng thêm số tiết cho các bài chính khóa trong chương trình cụ thể:

*** Các khối lớp dạy 9 buổi/tuần (Khối 1, khối 2, lớp 3B, lớp 4B, lớp 5B)**

+ Khối 1: Tăng thêm 4 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức; TNXH; HĐTN) theo phương án 9 buổi/tuần

+ Khối 2: Tăng thêm 5 tiết Tiếng việt chính khóa và 4 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức; TNXH; HĐTN, Thể chất, Âm nhạc) theo phương án 9 buổi/tuần.

+ Lớp 3: Tăng thêm 5 tiết Tiếng việt chính khóa và 4 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức; TNXH; GDNGLL; Thủ công; HĐ tập thể) theo phương án 9 buổi/tuần.

+ Lớp 4: Tăng thêm 4 tiết Tiếng việt chính khóa và 4 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức;GDNGLL; Kỹ thuật; HĐ tập thể, Âm nhạc, mỹ thuật) theo phương án 9 buổi/tuần.

+ Lớp 5: Tăng thêm 4 tiết Tiếng việt chính khóa và 4 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức;GDNGLL; Kỹ thuật; HĐ tập thể, Âm nhạc, mỹ thuật) theo phương án 9 buổi/tuần.

*** Các khối lớp dạy 7 buổi/tuần (Các lớp: 3A, 4A, 5A)**

+ Lớp 3: Tăng thêm 4 tiết Tiếng việt chính khóa và 3 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức; TNXH; GDNGLL; Thủ công; HĐ tập thể) theo phương án 7 buổi/tuần.

+ Lớp 4: Tăng thêm 3 tiết Tiếng việt chính khóa và 3 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức; GDNGLL; Kỹ thuật; HĐ tập thể, Âm nhạc, mỹ thuật) theo phương án 7 buổi/tuần.

+ Lớp 5: Tăng thêm 3 tiết Tiếng việt chính khóa và 3 tiết Toán chính khóa (Giảm số tiết các môn Đạo đức; GDNGLL; Kỹ thuật; HĐ tập thể, Âm nhạc, mỹ thuật) theo phương án 7 buổi/tuần.

Đối với các môn nhóm 2 lên phương án dạy hết các tiết chính khóa ngay từ đầu năm học; còn lại các tiết ôn tập chuyên xuống các tuần cuối năm.)

(Có phụ biểu kèm theo, Thời khóa biểu)

7.2. Phương án dạy học trong tình hình COVID diễn biến phức tạp hơn

(Bổ sung phụ biểu điều chỉnh, phần này các đơn vị tự bổ sung sau)

8. Phương án dạy học 2 buổi/ngày (Có phụ biểu kèm theo)

9. Phân đấu thực hiện chỉ tiêu số lượng cam kết chất lượng

+ Duy trì số lượng: 302/302 đạt 100%

+ Đảm bảo tỉ lệ chuyên cần: 98%

* *Đảm bảo chỉ tiêu chất lượng theo cam kết:*

- Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 235/242 đạt 97,1%

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 60/60 đạt 100%

- Tỷ lệ 24/191 đạt 13% học sinh có thành tích nổi bật các nội dung học tập và rèn luyện (Khối lớp 3;4;5); tỷ lệ học sinh xuất sắc (khối 1;2): 19/132 đạt 14%.

- Tỷ lệ 50/191=26% học sinh có thành tích vượt trội về môn học (khối lớp 3;4;5); Học sinh tiêu biểu (Khối 1;2): 20/132 đạt 23%.

- HS tham gia sân chơi “Trạng nguyên Tiếng Việt” cấp trường: 20 HS; cấp huyện: 5 HS; cấp tỉnh: 01 HS.

- Đối với CB;GV;NV thực hiện đảm bảo chỉ tiêu chất lượng; số lượng theo đã kí cam kết với các cấp; phân đấu không có CB, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo, không sinh con thứ ba.

- Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do các cấp, ngành phát động tích cực, chủ động, hiệu quả.

10. Công tác tự kiểm tra của đơn vị

Xuất phát từ hoạt động kiểm tra nội bộ trường học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các thành viên của Ban kiểm tra nội bộ trường học. Tăng cường kiểm tra công tác đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, tạo sự chuyển biến tích cực trong hoạt động dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Công tác kiểm tra nội bộ phải đảm bảo tính đại trà, toàn diện, trực tiếp các nội dung và đối tượng trong nhà trường. Kiểm tra nội bộ trường học thực hiện việc xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên, bộ phận trong nhà trường đối chiếu với các quy định hiện hành (Kiểm tra định kỳ 2 lần / năm, kiểm tra đột xuất ít nhất 3 lần); phân tích nguyên nhân của các ưu, nhược điểm đồng thời đề xuất các biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, thiếu sót; từ đó điều chỉnh kế hoạch, tư vấn, thúc đẩy các cá nhân, tập thể tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kết quả kiểm tra sẽ là cơ sở, đề đề xuất các biện pháp xử lý, uốn nắn sai sót trong thực hiện kế hoạch của cá nhân, bộ phận, phát hiện kinh nghiệm tốt để phổ biến. Kết quả đánh giá là căn cứ để đánh giá xếp loại hàng tháng.

11. Xây dựng trường học hạnh phúc, các mô hình gắn với thực tiễn

- Xây dựng kế hoạch của nhà trường nhằm nâng cao chỉ số hạnh phúc theo các nội dung phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhà trường.

- Tuyên truyền, quán triệt nội dung kế hoạch tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo với Phòng GD&ĐT trước ngày 10/12/2021.

- Căn cứ kế hoạch tổ chức cuộc thi tìm hiểu “Trường học hạnh phúc” năm 2021 của Phòng GD&ĐT, tổ chức phát động cuộc thi cấp trường; lựa chọn học sinh/đội tuyển tham gia cuộc thi cấp huyện.

- Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường gắn với tăng cường giáo dục đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động. Thực hiện tốt công tác đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng, đánh giá viên chức sự nghiệp giáo dục theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ; trong đánh giá viên chức gắn với việc thực hiện phong trào “Thầy cô thay đổi vì trường học hạnh phúc” là một nhiệm vụ chuyên môn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của viên chức.

12. Xây dựng trường chuẩn quốc gia

Nhà trường tổ chức thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Phần đầu đạt tiêu chí đội ngũ, cơ sở vật chất, đến năm học 2024-2025 đạt chuẩn quốc gia.

13. Dạy học tiếng dân tộc, tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS, thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt, giai đoạn 2021 - 2025”

- Tiếp tục tổ chức việc dạy học tiếng dân tộc Mông theo chương trình và sách giáo khoa Bộ GD&ĐT đã ban hành đối với học sinh lớp 4. Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-PGD&ĐT ngày 05/4/2021 của Phòng GD&ĐT về triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn huyện Văn Chấn.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng DTTS phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo cho học sinh đạt chuẩn năng lực tiếng Việt của mỗi khối lớp và của cấp học, nhà trường quan tâm và chú trọng đến học sinh lớp 1; xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt cho học sinh; tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ; tổ chức các hoạt động nhằm khuyến khích học sinh đọc sách truyện; sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học nhằm tăng cường, hỗ trợ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh.

- Khuyến khích giáo viên giúp đỡ học sinh tiếp cận công nghệ 4.0, tổ chức cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 tham gia sân chơi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” trên internet.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS. Đồng thời, làm tốt công tác xã hội hoá nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS, huy động cha mẹ học sinh, đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ là người DTTS làm cộng tác viên để hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho học sinh lớp 1,2.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng:

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ. Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ đề tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho GV.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

2. Đối với Phó hiệu trưởng:

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 8, 9 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt

động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn. Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ đề tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho GV.

3. Đối với Tổ trưởng tổ chuyên môn:

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học. Phối hợp với các tổ chuyên môn khác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học; tham gia đề xuất lựa chọn SGK mới theo quy định;

Triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; tham gia bồi dưỡng; đánh giá xếp loại chuyên môn nghiệp vụ giáo viên theo quy định.

4. Đối với Tổng phụ trách Đội:

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

5. Đối với giáo viên:

Thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; Tham gia các hoạt động chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; hướng dẫn chăm sóc học sinh bán trú.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

6. Đối với giáo viên bộ môn (Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh...)

Căn cứ vào kế hoạch của trường, của tổ, mỗi cá nhân xây dựng cho mình Kế hoạch dạy học và kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục được Ban giám hiệu và tổ trưởng phân công (bao gồm kế hoạch năm, chủ đề, tuần, ngày).

Kế hoạch của mỗi cá nhân phải được xây dựng dựa trên chỉ tiêu đề ra của BGH; đảm bảo tính đồng bộ, liên thông với kế hoạch chung của nhà trường.

Trình tổ trưởng, BGH phê duyệt kế hoạch; không được tự động điều chỉnh kế hoạch khi chưa được sự đồng ý và thống nhất của tổ trưởng và BGH.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn theo tổ khối, nâng cao năng lực chuyên môn; Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT quy định về định mức giảng dạy đối với giáo viên tiểu học.

Ngoài ra tham gia thực hiện các nhiệm vụ khác khi được BGH phân công.

7. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị:

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

VII. Kế hoạch, kết quả thực hiện từng tháng

1. Tháng 8/2021

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Tập huấn về xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy (<i>Theo Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>); Sử dụng sách giáo khoa lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (<i>SGK lớp 2 được phê duyệt theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh</i>); Hỗ trợ thực hiện việc ra đề kiểm tra định kì, hỗ trợ việc thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định.	CB, GV toàn trường tham gia tập huấn theo Kế hoạch của BGD, SGD PGD.	
Thực hiện công tác tuyển sinh lớp 1; duyệt số lượng, đối tượng học sinh lớp 1 năm học 2021-2022.	BGH. TTCM	

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học, thực hiện sắp xếp điều chỉnh các môn học phòng tình huống dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn.	BGH, Tổ trưởng CM, đ/c Lan	
Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh xuyên suốt năm học; tổ chức cho học sinh lớp 1 tựu trường ngày 23/8/2021.	BGH, y tế, các thành viên tron Hội đồng tuyển sinh lớp 1	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

2. Tháng 9/2021

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Tổ chức tựu trường các lớp 2, 3, 4, 5 vào 01/9/2021; khai giảng ngày 05/9/2019.	- BGH, Các đoàn thể trong nhà trường, HS	
- Thẩm định kế hoạch giáo dục nhà trường đối với cấp tiểu học năm học 2021-2022.	BGH	
- Xây dựng chỉ tiêu chất lượng giáo dục và báo cáo đầu năm học.	BGH	
- Xây dựng các kế hoạch, thành lập tổ cốt cán chuyên môn cấp trường, tổ chức cam kết chất lượng năm học 2021-2022.	BGH, TTCM, GVCN	
- Cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp tập huấn chuyên môn thực hiện CTGDPT 2018.	CB, GV tham gia tập huấn theo yêu cầu	
- Tổ chức hướng dẫn học sinh tham gia sân chơi “Trạng nguyên Tiếng Việt”.	BGH, đ/c Phong, GVCN, HS được lựa chọn	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

3. Tháng 10/2021

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Chỉ đạo tổ chức Hội giảng cấp tổ.	TTCM, 100% GV trong tổ tham gia	
- Tổ chức hướng dẫn học sinh tham gia sân chơi “Trạng nguyên Tiếng Việt”.	BGH, GVCN, HS	
- Tham gia sinh hoạt mạng lưới chuyên môn do ngành tổ chức: thực hiện chuyên đề môn Tiếng Việt, môn Toán lớp 2; triển khai nội dung hoạt động năm học 2021-2022.	BGH, TTCM, GV dạy lớp 2	
- Phát động phong trào giáo viên làm đồ dùng dạy học; tổ chức chuyên đề Tiếng Việt lớp 1, 2, Toán 2 tại nhà trường về các nội dung trong việc thực CTGDPT 2018.	- Mỗi GV làm ít nhất 2 đồ dùng/năm. - BGH, TTCM, GV toàn trường	
- Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên.	- BGH, TTCM, GV cốt cán	
- Khảo sát chất lượng học sinh lớp 1 vào GHKI.	- BGH, TTCM, GV lớp 1, HS lớp 1	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

4. Tháng 11/2021

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Tham gia sinh hoạt mạng lưới chuyên môn theo yêu cầu của ngành: Hoạt động trải nghiệm; các nội dung lồng ghép giáo dục, đánh giá học sinh lớp 1, 2 theo TT 27/2020 của Bộ GD&ĐT.	BGH, TTCM, GV dạy lớp 1, lớp 2	
- Chỉ đạo các tổ tiếp tục tổ chức Hội giảng cấp tổ;	TTCM, 100% GV trong tổ tham gia	

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường.	BGH, TTCM, GVCC, GV được lựa chọn ở cấp tổ.	
- Bình xét giáo viên tiêu biểu trong các hoạt động giáo dục; tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2021).	- BGH, TTCM, GV trong trường	
- Tiếp tục tổ chức cho học sinh tham gia sân chơi “Trạng nguyên Tiếng Việt” (thực hiện theo lịch của Ban tổ chức).	BGH, GVCN, HS	
- Dự kiến phân công và chuẩn bị các điều kiện thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 3 năm học 2021-2022 để tổng hợp.	- BGH, TTCM, GV	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

5. Tháng 12/2021

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Tổ chức ôn tập kiểm tra đánh giá học sinh học kỳ I theo quy định.	BGH, TTCM, GV, HS toàn trường	
- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện.	GV đạt danh hiệu GVĐG, GVCNG cấp trường tham gia	
- Tổ chức giao lưu tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số cấp trường	BGH, TTCM, GVCN, HS lớp 4,5.	
- Tổ chức thi viết chữ đẹp cấp trường.	- BGH, TTCM, GVCN, HS trong trường	
- Tham gia sinh hoạt mạng lưới chuyên môn với	BGH, TTCM,	

ngành với nội dung: tư vấn, chia sẻ về công tác xây dựng các mô hình trường học; nội dung giảng dạy lồng ghép giáo dục địa phương; tháo gỡ những khó khăn trong thực hiện chuyên môn.	GVCC	
- Tham gia các chương trình tập huấn của Bộ, Sở GD&ĐT tổ chức.	CB, GV tham gia tập huấn theo yêu cầu	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

6. Tháng 1/2022

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Hoàn thiện các báo cáo học kỳ I theo yêu cầu	BGH, TTCM, GV	
- Tổ chức tốt công tác tái giảng học kỳ II.	BGH, GV và các đoàn thể trong nhà trường	
- Rà soát tiến độ thực hiện cam kết chất lượng năm học.	BGH, TTCM, GV	
- Rà soát việc điều chỉnh, thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học, thực hiện sắp xếp điều chỉnh các môn học phòng tình huống dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn (lần 1).	- BGH, TTCM, GV trong trường	
- Khảo sát việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng DTTS	BGH, TTCM, TPTĐ, GVCN, HS	

KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

7. Tháng 2/2022

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Tham gia các chương trình tập huấn của Sở GD&ĐT tổ chức.	CB, GV tham gia tập huấn theo yêu cầu	
- Tham gia sinh hoạt mạng lưới chuyên môn theo kế hoạch.	BGH, TTCM, GVCC	
- Rà soát việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2.	BGH, TTCM, GV	

KẾ HOẠCH BỔ SUNG

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

8. Tháng 3/2022

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Sinh hoạt mạng lưới chuyên môn theo kế hoạch.	BGH, TTCM, GVCC	
- Tham gia các đợt tập huấn Sở GD&ĐT tổ chức, đặc biệt chương trình GDPT 2018.	CB, GV tham gia tập huấn theo yêu cầu	
- Khảo sát chất lượng học sinh lớp 1 vào giữa học kỳ II, rà soát thực hiện công tác cam kết chất lượng của các lớp.	BGH, TTCM, GV, HS	
- Tham gia giao lưu tăng cường tiếng Việt cho học	- BGH,	

sinh dân tộc thiểu số cấp huyện.	TTCM, GV, HS lớp 4, 5 đạt cấp trường	
- Tổ chức thi viết chữ đẹp cấp huyện.	- BGH, TTCM, GV, HS đạt cấp trường	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

9. Tháng 4/2022

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Nhà trường xây dựng ma trận đề, GV ra đề kiểm tra cuối năm học.	BGH, TTCM, GV	
- Nhà trường xây dựng kế hoạch bổ sung kiến thức cho học sinh. Các tổ rà soát lại kiến thức nội dung để bổ sung cho học sinh chuẩn bị kiểm tra cuối năm.	BGH, TTCM, GV	
- Rà soát việc điều chỉnh, thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học, thực hiện sắp xếp điều chỉnh các môn học phòng tình huống dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn (lần 2).	GH, TTCM, GV	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

10. Tháng 5/2022

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Tổ chức ôn tập cuối năm cho học sinh.	BGH, TTCM, GV, HS	
- Tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh theo quy định, đánh giá việc cam kết chất lượng, nghiệm thu bàn giao chất lượng.	BGH, TTCM, GV, HS	
- Tổng kết năm học và báo cáo tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học gửi Phòng GD&ĐT.	BGH, TTCM, GV	
- Hoàn thành báo cáo năm học, tổng hợp các biểu mẫu báo cáo Phòng GD&ĐT.	- BGH, TTCM, GV	
KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

11. Tháng 6+7/2022

Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả
- Làm công tác tuyển sinh học sinh lớp 1.	BGH, TTCM, GV phân công dạy lớp 1 năm 2022-2023	
- Bồi dưỡng chuyên môn, học tập chính trị.	CB, GV, NV trong trường	
- Tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đối với lớp 3.	BGH, TTCM, GVCC, GV dạy lớp 3	
- Chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới.	CB, GV, NV trong trường	

KẾ HOẠCH BỔ SUNG		
Nội dung công việc	Bộ phận, người thực hiện	Kết quả

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2021-2022 của Trường TH&THCS Suối Bu yêu cầu các tổ chức, đoàn thể, các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nghiêm túc phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Lãnh đạo nhà trường;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Nhung

**PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VĂN CHẤN
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Văn Chấn, ngày tháng 9 năm 2021

**T.M NHÀ TRƯỜNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phan Thanh Hải

Đào Thu Anh